TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 712/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 21-12-2022
V/v tranh chấp "*không công nhận vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Trần Minh Thành
***Các Hội thẩm nhân dân*:**
1. Ông Võ Văn Phong
2. Ông Phan Á

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định *tham gia phiên toà:* Ông Trương Văn Đình – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 580/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "*không công nhận vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 266/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1976 (yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố ĐĐ 2, phường HT, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1975 (yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố ĐĐ 2, phường HT, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn xin ly hôn và trình bày của nguyên đơn, ông Trần Văn T là: Tôi và cô Lê Thị N tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, 4 năm nay mỗi người sống 01 nơi. Nay tôi yêu cầu tòa không công nhận tôi và cô Lê Thị N là vợ chồng.

Về con chung: có 02 con chung Trần Thị Ánh N, sinh năm 1996, Trần Văn S sinh năm 1999. Các con đã đủ tuổi trưởng thành không yêu cầu tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu.

Vì công việc làm ăn ở xa nên yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Theo trình bày của bị đơn, bà Lê Thị N là: Tôi và anh Trần Văn T tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, 4 năm nay mỗi người sống 01 nơi. Nay anh Tiến yêu cầu không công nhận vợ chồng tôi không đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung Trần Thị Ánh N, sinh năm 1996, Trần Văn S sinh năm 1999. Các con đã đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu.

Vì cuộc sống khó khăn tôi phải đi phụ hồ nên xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như các phiên tòa.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T, ông Trần Văn T và bà Lê Thị N không phải là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: ông Trần Văn T có đơn yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với bà Lê Thị N. Ông Trần Văn T và bà Lê Thị N đều có hộ khẩu thường trú tại thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn, bà Lê Thị N có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: ông Trần Văn T và bà Lê Thị N sống chung như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa 10 thì ông T, bà N sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn nên không công nhận ông Trần Văn T và bà Lê Thị N là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung Trần Thị Ánh N, sinh năm 1996, Trần Văn S sinh năm 1999. Xét thấy, con chung đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường, không bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự nên tòa không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Trần Văn T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 của Quốc hội khóa 10.

Căn cứ các Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

1/ Về quan hệ hôn nhân: không công nhận ông Trần Văn T và bà Lê Thị N là vợ chồng.

2/ Về con chung: có 02 con chung Trần Thị Ánh N, sinh năm 1996, Trần Văn S sinh năm 1999. Xét thấy, các con chung đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường, không bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự nên tòa không xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

5/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Trần Văn T nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Ông Trần Văn T đã nộp đủ 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000116 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2, Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30, Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự.
- VKSND thị xã Hoài Nhơn
- UBND phường HT
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Minh Thành